CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư xây dựng UDCONS

Ngày 30/09/2025	4,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.7%	**-8.9%**	**-**

DT thuần
Q3/25
68.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.90| -9.2%
YoY: ▲ 8.60| 14.4%

LN thuần
Q3/25
-13.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10| 13.3%

LN sau thuế
Q3/25
-13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.70| 11.3%
YoY: ▲ 1.70| 11.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.1%
YoY: +/-▲ 10.1%

ROE (TTM)
Q3/25
-21.7%
YoY: +/-▼ 1.7%

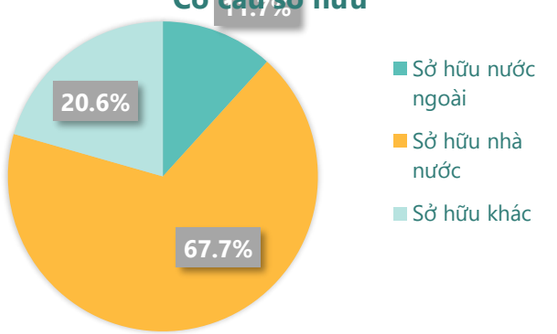
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 6,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	142
Số lượng CPLH (CP)	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,600
Sở hữu nước ngoài	11.7%
Beta	0.95
EPS	-1,148
P/E	-3.6

DT thuần
9T 2025
165
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.0| 10.4%

LN thuần
9T 2025
-39.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.20| -3.2%

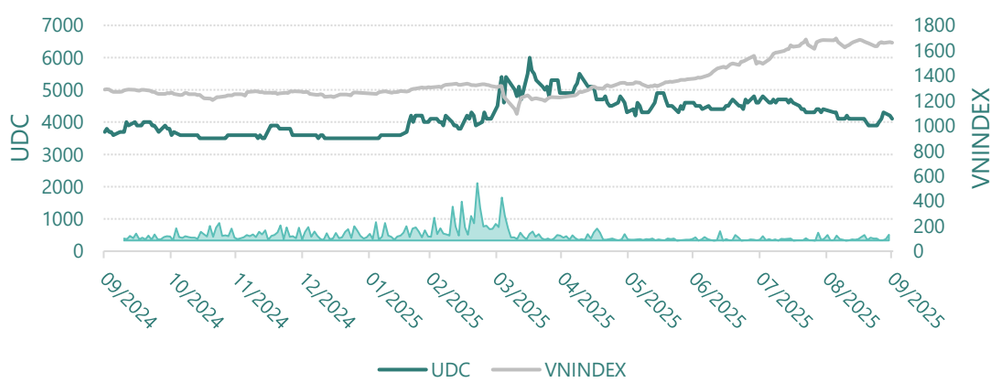
LN sau thuế
9T 2025
-38.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.20| 13.9%

Cơ cấu sở hữu

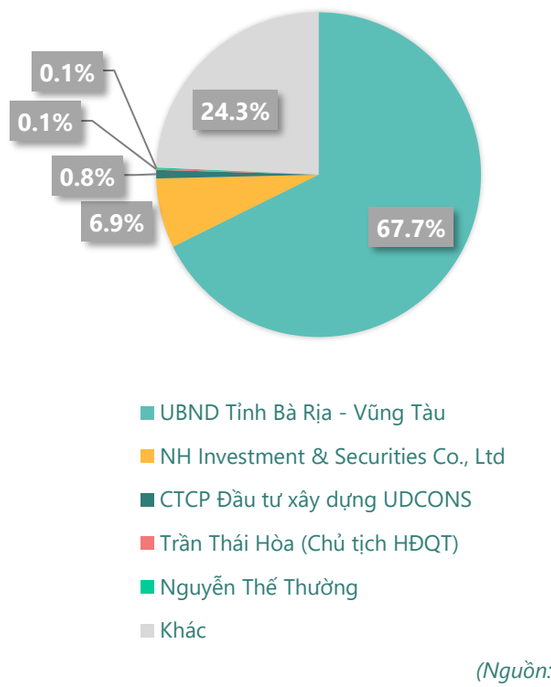


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



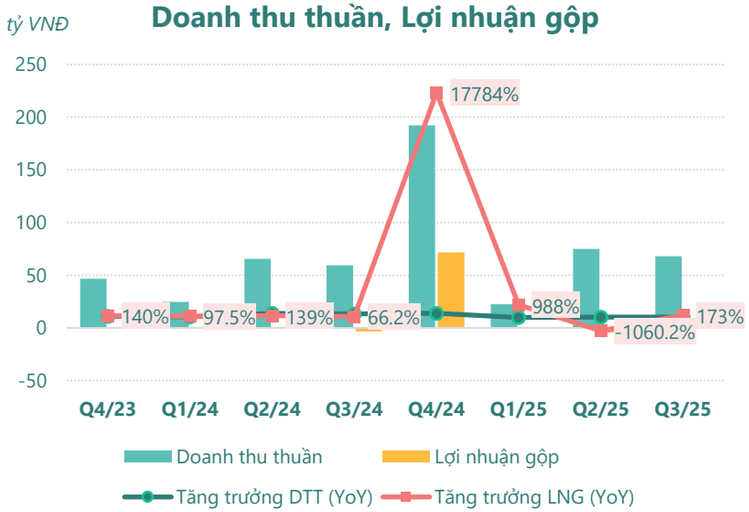
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

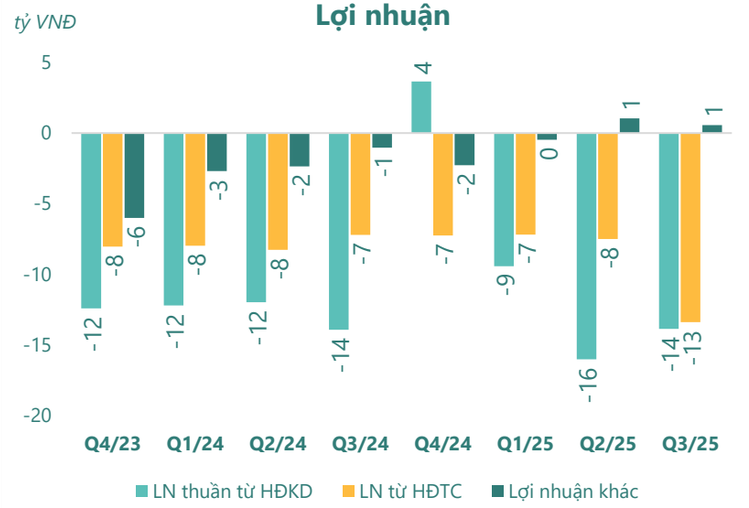
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



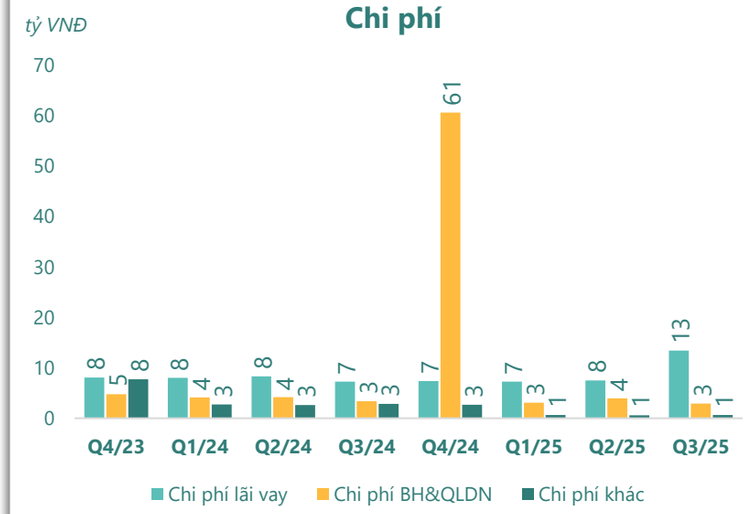
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



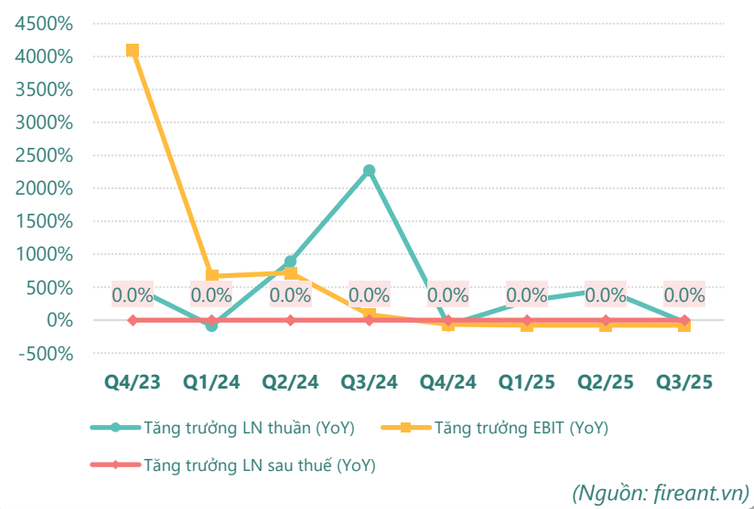
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



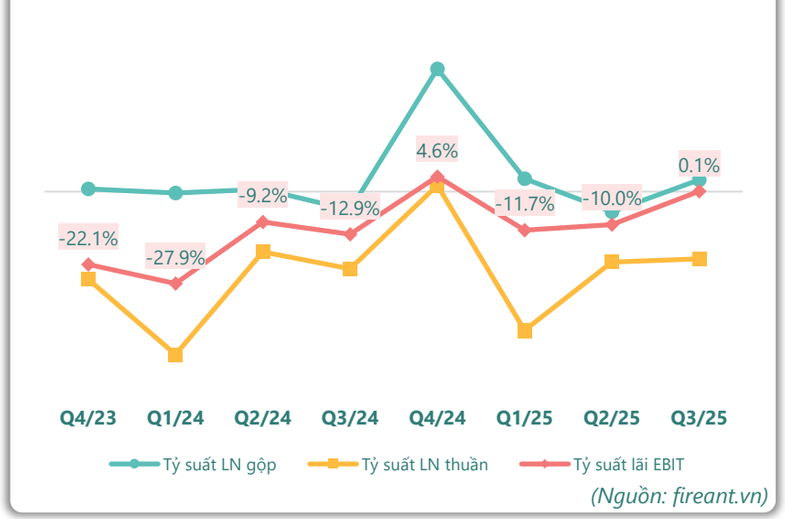
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



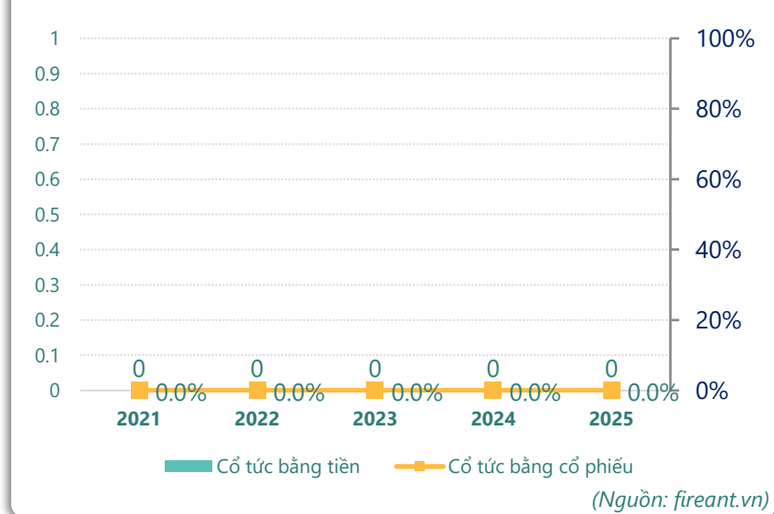
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

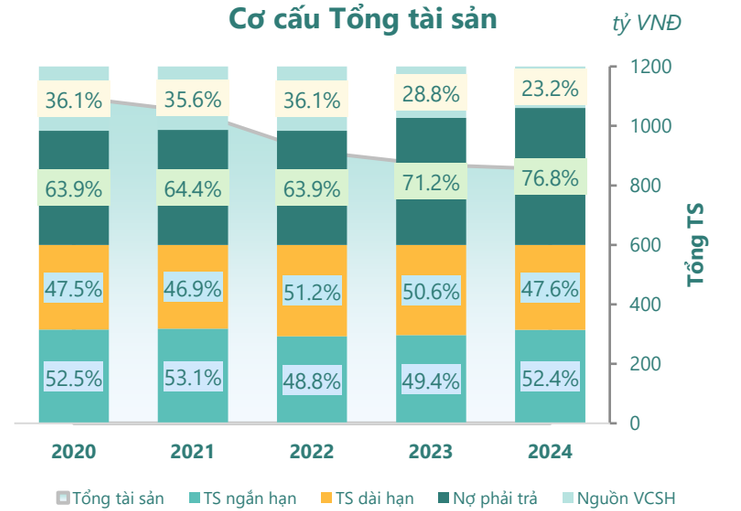
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

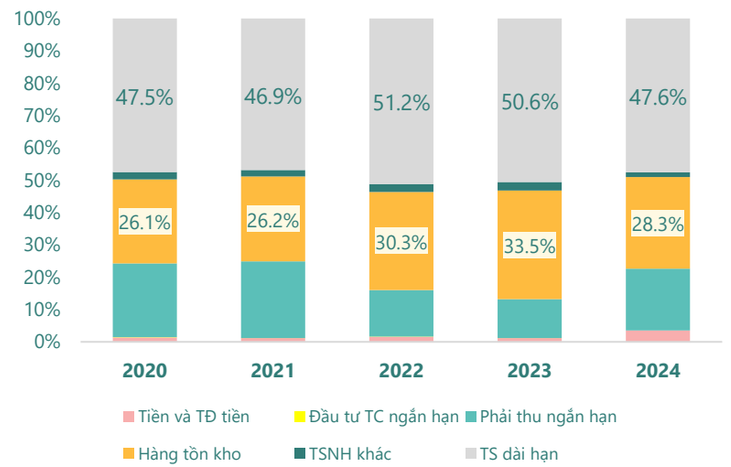
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



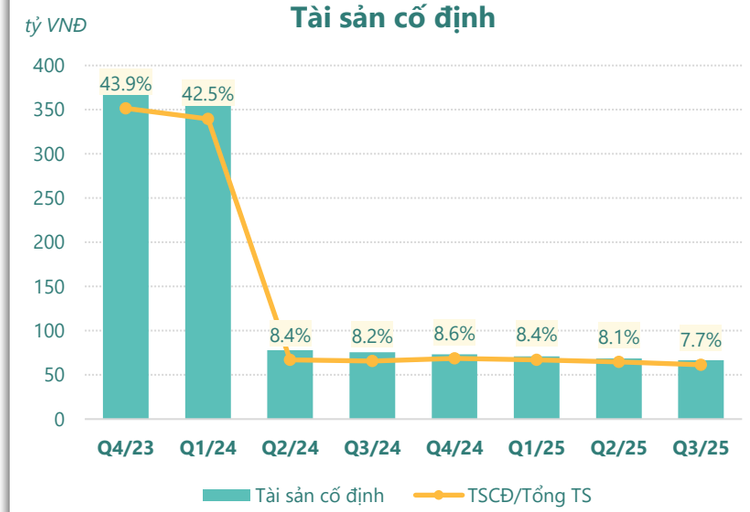
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



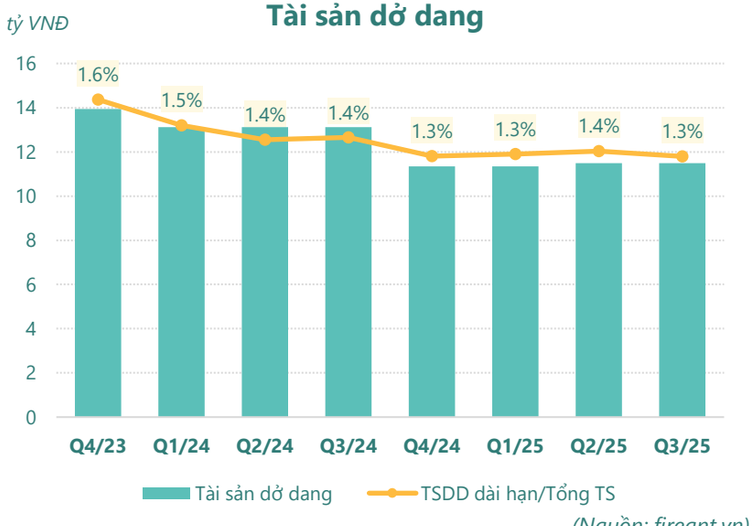
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



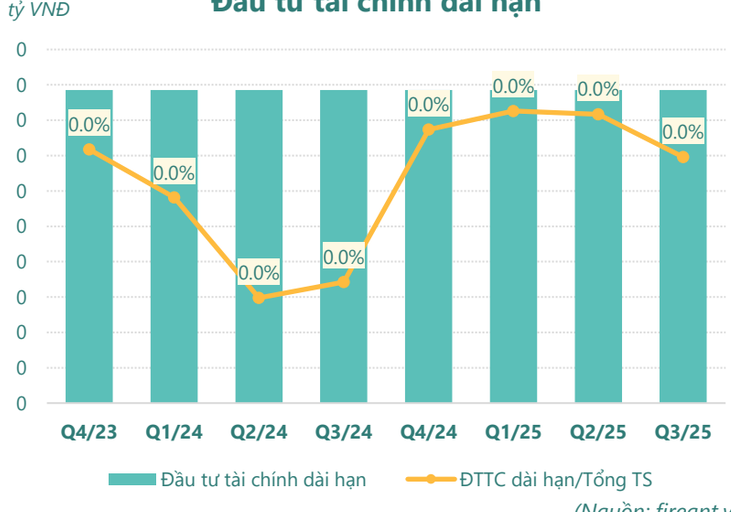
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



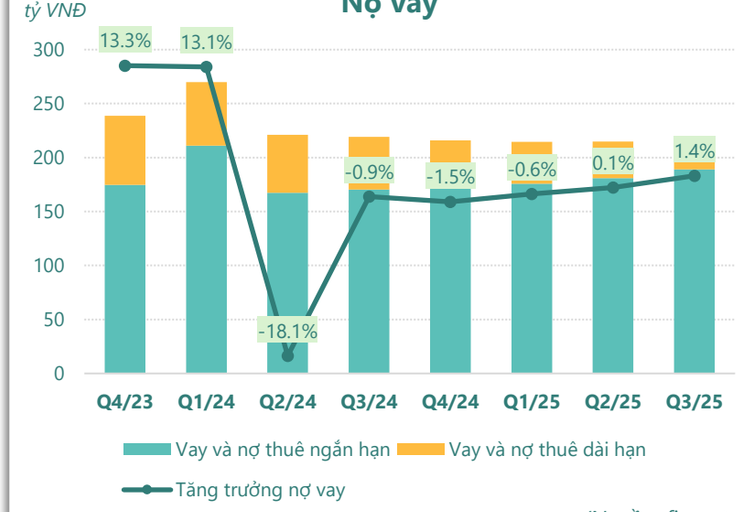
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

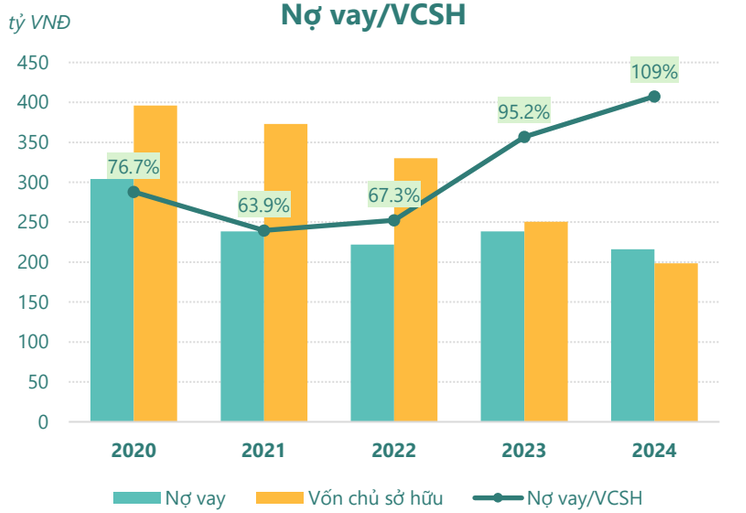
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

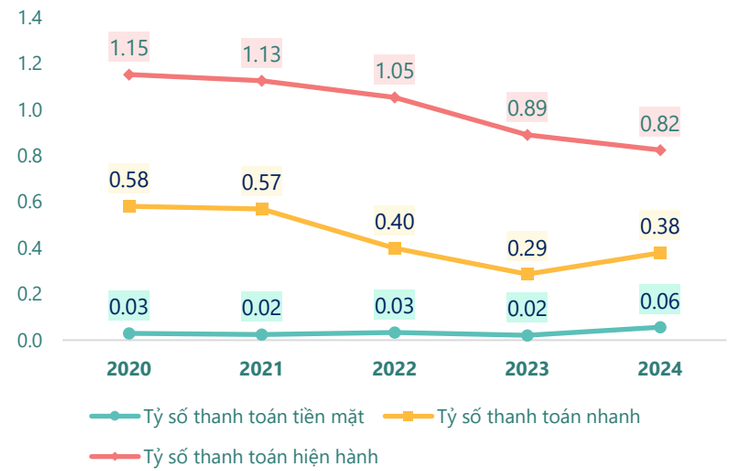
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



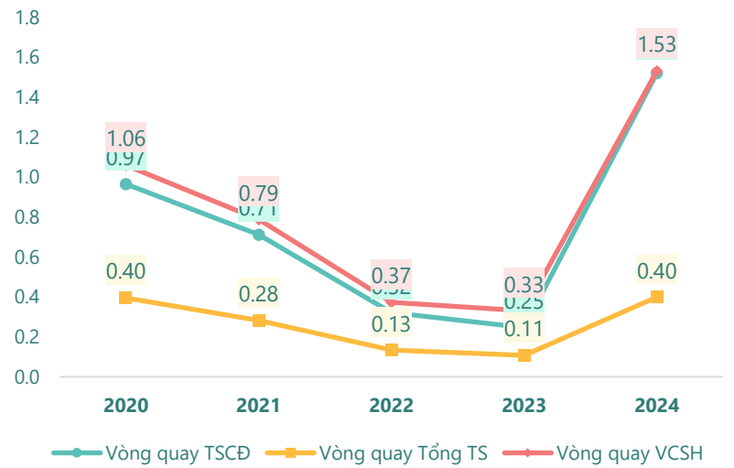
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



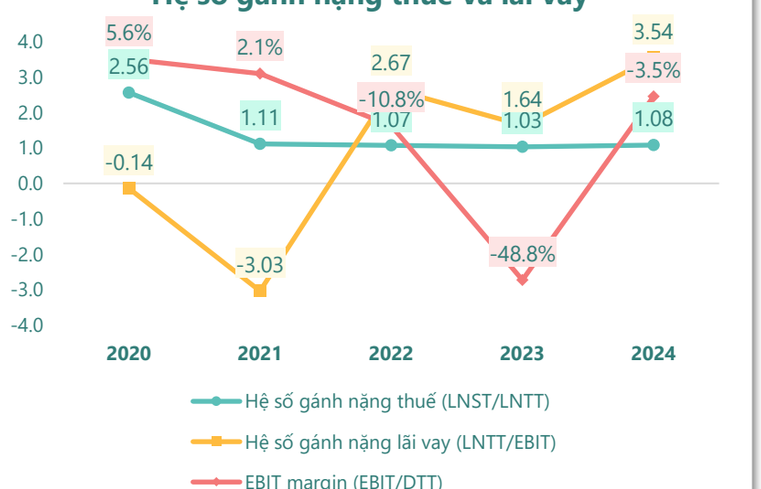
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



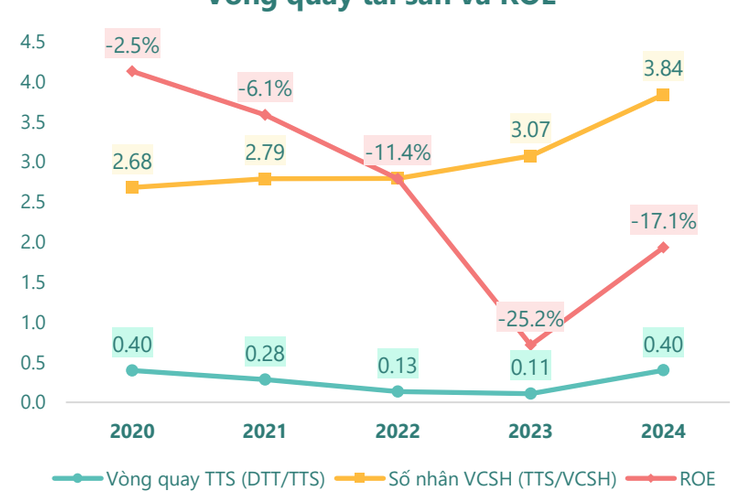
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



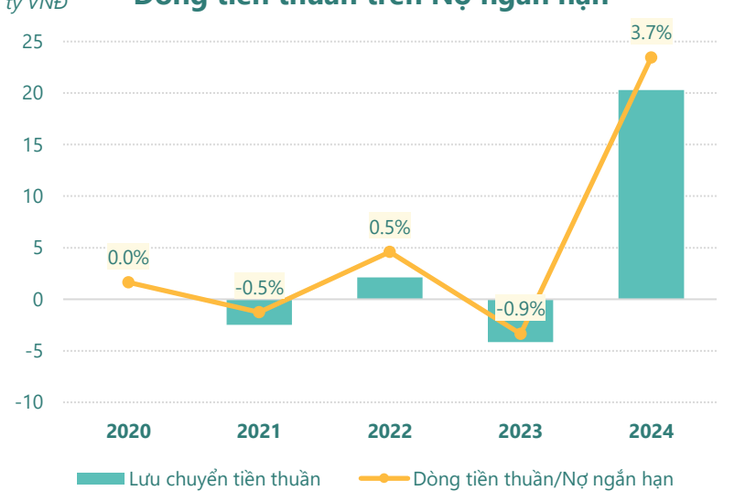
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**68.1**	**59.5**	**14.4%**	**165**	**150**	**10.4%**
Giá vốn hàng bán	65.7	62.8	4.5%	167	153	9.1%
Lợi nhuận gộp	2.44	-3.33	173%	-1.25	-2.96	57.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.07	-95.1%	0.09	0.11	-16.8%
Chi phí TC	13.4	7.28	84.1%	28.2	23.6	19.5%
Chi phí lãi vay	13.4	7.28	84.1%	28.2	23.6	19.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.17	0.13	33.6%	0.52	1.18	-56.0%
Chi phí QLDN	**2.74**	**3.25**	**-15.8%**	**9.48**	**10.5**	**-9.9%**
LN thuần từ HĐKD	-13.9	-13.9	0.2%	-39.3	-38.1	-3.2%
Lợi nhuận khác	**0.57**	**-1.03**	**155%**	**1.14**	**-6.08**	**119%**
LN trước thuế	-13.3	-15.0	11.3%	-38.2	-44.2	13.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-13.3**	**-15.0**	**11.3%**	**-38.2**	**-44.4**	**13.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.4**	**-13.1**	**-2.3%**	**-37.5**	**-38.6**	**2.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	72.9	-3.98	-89.1	-12.5	-4.39	-7.88
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.80	-7.49	86.4	0.29	1.50	0.69
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.3	6.98	-3.18	-1.28	0.19	2.73
Tiền đầu kỳ	22.1	40.8	36.3	30.5	17.0	14.3
Lưu chuyển tiền thuần	**18.7**	**-4.50**	**-5.86**	**-13.5**	**-2.70**	**-4.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	40.8	36.3	30.5	17.0	14.3	9.81

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**866**	**855**	**1.3%**
Tài sản ngắn hạn	476	448	6.2%
Tiền và tương đương tiền	9.81	30.5	-67.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	202	163	24.0%
Hàng tồn kho	252	242	3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	12.8	12.6	0.9%
Tài sản dài hạn	**390**	**407**	**-4.0%**
Phải thu dài hạn	7.72	7.74	-0.3%
Tài sản cố định	66.5	73.2	-9.2%
Bất động sản đầu tư	303	313	-3.1%
Tài sản dở dang	11.5	11.3	1.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.45**	**1.71**	**-14.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	706	656	7.6%
Nợ ngắn hạn	**611**	**543**	**12.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	189	172	9.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	112	89.8	25.2%
Nợ dài hạn	94.4	113	-16.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	28.8	43.8	-34.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**160**	**199**	**-19.2%**
Vốn chủ sở hữu	**160**	**199**	**-19.2%**
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)